

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ  
BỈM SƠN**

*Báo cáo tài chính*

*cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011*

*đã được kiểm toán*

## **NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 23
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn là tiền thân là phân xưởng sản xuất vỏ bao thủ công thuộc Nhà máy xi măng Bim Sơn được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn theo Quyết định số 04/1999/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Trụ sở chính của Công ty tại Phường Lam Sơn - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Như Khuê	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2011
Ông Doãn Nam Khánh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2011
Ông Doãn Nam Khánh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2011
Ông Tạ Duy	Thành viên	
Ông Mai Việt Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Doãn Nam Khánh	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2011
Ông Trần Văn Chương	Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Việt Đê	Trưởng ban
Ông Lê Trọng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Côi	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

**Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn**

Địa chỉ: Phường Lam Sơn - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

---

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Trần Văn Chương**

Giám đốc

*Bim Sơn, ngày 15 tháng 02 năm 2012*

Số : /2012/BC.KTTC-AASC.KT5

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn được lập ngày 15 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2012.

---

**Trần Thị Mai Hương**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0593/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>107.559.582.685</b>	<b>80.527.988.192</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>9.070.941.369</b>	<b>12.850.743.379</b>
111	1. Tiền		9.070.941.369	12.850.743.379
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>73.338.036.586</b>	<b>38.131.013.919</b>
131	1. Phải thu khách hàng		73.418.670.930	35.963.037.015
132	2. Trả trước cho người bán		253.722.500	364.347.420
135	3. Các khoản phải thu khác	<b>4</b>	314.008.156	2.176.989.484
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(648.365.000)	(373.360.000)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>24.701.065.064</b>	<b>29.126.949.794</b>
141	1. Hàng tồn kho		24.701.065.064	29.126.949.794
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>449.539.666</b>	<b>419.281.100</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.415.000	18.000.000
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		447.124.666	401.281.100
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>39.140.126.484</b>	<b>44.107.728.170</b>
<b>220</b>	<b>II . Tài sản cố định</b>		<b>36.550.520.484</b>	<b>37.414.468.410</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>6</b>	34.415.745.196	36.036.208.364
222	- Nguyên giá		94.818.990.477	113.127.281.729
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.403.245.281)	(77.091.073.365)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>7</b>	2.134.775.288	1.378.260.046
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>2.589.606.000</b>	<b>6.693.259.760</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		13.441.927.600	13.369.807.600
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.852.321.600)	(6.676.547.840)
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>146.699.709.169</b>	<b>124.635.716.362</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>65.992.193.537</b>	<b>45.286.787.995</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>65.789.907.441</b>	<b>45.286.787.995</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	<b>9</b>	18.445.000.000	18.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		39.277.240.476	18.870.489.194
313	3. Người mua trả tiền trước		15.000.000	29.360.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<b>10</b>	2.074.428.258	2.214.335.848
315	5. Phải trả người lao động		4.981.449.930	4.968.370.055
316	6. Chi phí phải trả	<b>11</b>	219.372.000	126.636.452
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	<b>12</b>	611.052.258	1.077.596.446
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		166.364.519	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>202.286.096</b>	<b>-</b>
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		202.286.096	-
<b>400</b>	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>80.707.515.632</b>	<b>79.348.928.367</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13</b>	<b>80.707.515.632</b>	<b>79.348.928.367</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		38.000.000.000	38.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.590.000.000	4.590.000.000
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(13.120.800)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		26.324.498.941	24.711.317.277
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		3.220.414.063	2.897.777.730
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.572.602.628	9.162.954.160
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>146.699.709.169</b>	<b>124.635.716.362</b>

Bim Sơn, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Nguyễn Đình Huy

Mai Viết Dung

Trần Văn Chương

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Năm 2011*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	291.153.527.069	244.081.452.868
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		291.153.527.069	244.081.452.868
11	4. Giá vốn hàng bán	15	258.433.195.595	217.379.256.016
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.720.331.474	26.702.196.852
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	592.783.223	1.788.133.081
22	7. Chi phí tài chính	17	9.723.362.918	3.813.896.554
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>5.223.280.331</i>	<i>886.815.568</i>
24	8. Chi phí bán hàng		2.879.157.352	2.280.020.324
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.679.051.507	10.456.663.887
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.031.542.920	11.939.749.168
31	11. Thu nhập khác		2.104.952.724	250.128.012
32	12. Chi phí khác		742.604.882	118.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		1.362.347.842	132.128.012
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.393.890.762	12.071.877.180
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	1.821.288.134	2.908.923.020
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.572.602.628	9.162.954.160
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	2.256	2.411

Bim Sơn, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Nguyễn Đình Huy

Mai Viết Dung

Trần Văn Chương



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		277.720.404.814	242.512.184.161
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(239.828.693.317)	(194.487.376.207)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(21.483.777.600)	(17.824.202.300)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(5.190.351.165)	(886.815.568)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.412.599.744)	(4.273.768.875)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		579.742.931	793.320.205
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.909.874.708)	(6.692.212.565)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.525.148.789)</b>	<b>19.141.128.851</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.427.455.242)	(10.130.141.549)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.362.554.998	218.436.363
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(33.000.000.000)	(7.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		35.000.000.000	(5.000.000.000)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(72.120.000)	(2.500.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		592.783.223	705.977.217
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.455.762.979</b>	<b>(23.705.727.969)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		54.330.000.000	20.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(53.885.000.000)	(2.000.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.168.537.000)	(5.700.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(4.723.537.000)</b>	<b>12.300.000.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(3.792.922.810)</b>	<b>7.735.400.882</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>12.850.743.379</b>	<b>5.115.342.497</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.120.800	
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>9.070.941.369</b>	<b>12.850.743.379</b>

Bim Sơn, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Nguyễn Đình Huy

Mai Viết Dung

Trần Văn Chương

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Năm 2011*

## 1. THÔNG TIN CHUNG

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn tiền thân là phân xưởng sản xuất vỏ bao thủ công thuộc Nhà máy xi măng Bim Sơn được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn theo Quyết định số 04/1999/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Phường Lam Sơn - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty là 38.000.000.000 VND

### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055764 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07 tháng 06 năm 1999 và thay đổi lần thứ 2 ngày 25 tháng 11 năm 2011 Công ty đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn và mã số doanh nghiệp của Công ty là 2800508928, hoạt động kinh doanh của Công ty :

- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bia chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các loại bao bì từ nhựa giấy;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các loại bao bì từ nhựa giấy;
- Xuất nhập khẩu bao bì các loại, thiết bị, vật tư và phụ tùng sản xuất bao bì.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

### **2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **2.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm

### **2.7. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## **2.8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## **2.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **2.10. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **2.11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

## **2.12. Ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.13. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.14. Các khoản thuế**

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo điều 1 Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn thi hành nghị định số 101/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08//2011/QH13 của Quốc Hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp

phải nộp năm 2011 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập chịu thuế năm 2011.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	8.476.500	345.658.800
Tiền gửi ngân hàng	9.062.464.869	12.505.084.579
	<b>9.070.941.369</b>	<b>12.850.743.379</b>

### 4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu Công ty Chứng khoán Bảo Việt tiền cổ tức	246.303.381	49.518.963
Cho công ty Hoàng Long vay tiền không lấy lãi	-	2.000.000.000
Phải thu tiền BHXH do trích thừa	31.682.847	15.208.777
Phải thu khác	36.021.928	112.261.744
- <i>Phải thu quỹ phúc lợi do đơn vị chi quá</i>	-	63.609.844
- <i>Quỹ hỗ trợ mất việc làm thu từ người lao động</i>	-	10.798.900
- <i>Phải thu khác</i>	36.021.928	37.853.000
	<b>314.008.156</b>	<b>2.176.989.484</b>

### 5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	4.504.500.000
Nguyên liệu, vật liệu	7.928.977.786	11.565.929.692
Công cụ, dụng cụ	81.529.909	81.840.094
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.852.797.905	4.940.884.058
Thành phẩm	9.835.782.192	8.033.795.950
Hàng hoá	1.977.272	-
	<b>24.701.065.064</b>	<b>29.126.949.794</b>

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, trườn dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư đầu năm	16.059.316.354	92.420.997.135	3.658.965.431	974.002.809	14.000.000	113.127.281.729
Số tăng trong năm	631.854.465	5.156.352.728				5.788.207.193
- Mua trong năm		5.156.352.728				5.156.352.728
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	631.854.465					631.854.465
Số giảm trong năm	(57.292.982)	(23.985.205.463)	(54.000.000)			(24.096.498.445)
- Thanh lý, nhượng bán		(23.985.205.463)	(54.000.000)			(24.039.205.463)
- Giảm khác	(57.292.982)					(57.292.982)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.633.877.837</b>	<b>73.592.144.400</b>	<b>3.604.965.431</b>	<b>974.002.809</b>	<b>14.000.000</b>	<b>94.818.990.477</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư đầu năm	10.701.843.386	64.043.780.779	1.725.297.456	617.351.748	2.799.996	77.091.073.365
Số tăng trong năm	924.047.205	5.855.724.225	404.085.924	115.960.036	2.799.996	7.302.617.386
- Khấu hao trong năm	924.047.205	5.855.724.225	404.085.924	115.960.036	2.799.996	7.302.617.386
Số giảm trong năm		(23.936.445.470)	(54.000.000)			(23.990.445.470)
- Thanh lý, nhượng bán		(23.936.445.470)	(54.000.000)			(23.990.445.470)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.625.890.591</b>	<b>45.963.059.534</b>	<b>2.075.383.380</b>	<b>733.311.784</b>	<b>5.599.992</b>	<b>60.403.245.281</b>
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày đầu năm	5.357.472.968	28.377.216.356	1.933.667.975	356.651.061	11.200.004	36.036.208.364
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>5.007.987.246</b>	<b>27.629.084.866</b>	<b>1.529.582.051</b>	<b>240.691.025</b>	<b>8.400.008</b>	<b>34.415.745.196</b>

Nguyên giá TSCĐ đang sử dụng nhưng đã hết khấu hao là : 33.076.764.359 VND.

Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay : 9.257.090.912 VND.

## 7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.534.364.379	1.355.581.864
<i>Dự án đầu tư mở rộng nâng cấp công suất nhà máy (*)</i>	<i>1.534.364.379</i>	<i>1.355.581.864</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	600.410.909	22.678.182
<i>Cải tạo nhà điều hành</i>	<i>-</i>	<i>22.678.182</i>
<i>Xây dựng tường chắn và san nền</i>	<i>600.410.909</i>	<i>-</i>
	<b>2.134.775.288</b>	<b>1.378.260.046</b>

(\*): Dự án đầu tư mở rộng công suất nhà máy từ 40 triệu vỏ bao/ năm lên 60 triệu vỏ bao/ năm với tổng dự toán là: 32.825.112.000 đồng, dự án đã đi vào hoạt động được 74,5% so với dự toán.

## 8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	13.441.927.600	13.369.807.600
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(10.852.321.600)	(6.676.547.840)
	<b>2.589.606.000</b>	<b>6.693.259.760</b>

Error! Not a valid link.

## 9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Error! Not a valid link.

**(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn</i>	<i>11.830.000.000</i>	<i>18.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn</i>	<i>6.615.000.000</i>	<i>-</i>
	<b>18.445.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn :

- HĐ vay số 01/11/HĐ ngày 19/08/2011 với mức dư nợ tối đa là 30.000.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

- Thời hạn vay: 6 tháng.

- Lãi suất: thả nổi, được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Hình thức đảm bảo tiền vay:

\* Thế chấp, cầm cố tài sản của Bên vay, cụ thể:



- + Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/10/HĐ số đăng ký tại ngân hàng 11/295834 ngày 05/08/2010 và các biên bản sửa đổi bổ sung khác (nếu có).
  - + Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/11/HĐ số đăng ký tại ngân hàng 01/295834 ngày 19/08/2011 và các biên bản sửa đổi bổ sung khác (nếu có).
  - \* Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác.
  - \* Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và các đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.
- (2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn:
- Hợp đồng vay số 300058024/11/HĐTD ngày 14/03/2011 với hạn mức cho vay là 40.000.000.000đ.
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì năm 2011 (chi trả tiền mua nguyên vật liệu như giấy Krarf, hạt nhựa, điện sản xuất, lương nhân viên).
  - Thời hạn vay: 06 tháng.
  - Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi theo biến động của thị trường.
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, dây chuyền đồng bộ của Công ty đang xây dựng trên diện tích đất được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V074172 ngày 30/11/2011. Tổng giá trị Tài sản đảm bảo là 19.335.000.000 đồng.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	207.334.130	766.685.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.821.287.078	1.412.598.688
Thuế thu nhập cá nhân	45.807.050	35.051.290
	<b>2.074.428.258</b>	<b>2.214.335.848</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí tư vấn hỗ trợ chuyển giao công nghệ	124.372.000	126.636.452
Trích trước thù lao HĐQT quý 4	95.000.000	-
	<b>219.372.000</b>	<b>126.636.452</b>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	160.647.943	-
Bảo hiểm xã hội	-	178.935.145
Phải trả về cổ phần hóa	-	442.960.000
Cổ tức phải trả cổ đông	98.540.756	137.077.756
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	351.863.559	318.623.545
	<b>611.052.258</b>	<b>1.077.596.446</b>

Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác tại 31/12/2011 như sau:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Lãi vay phải trả	32.929.166	-
- Phải trả tiền tiết kiệm định mức	23.250.366	103.754.748
- Phải trả, phải nộp khác	140.964.777	214.865.797
- Quỹ hỗ trợ mất việc làm thu từ người lao động	154.719.250	-
	<b>351.863.559</b>	<b>318.620.545</b>

### 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

*Error! Not a valid link.*

Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông số 252/ NQ-BBBS 2011 ngày 26 tháng 04 năm 2011, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2010 là 13,5 % ( mỗi cổ phần được nhận 1.350 VND), việc phân phối lợi nhuận của năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Quỹ đầu tư phát triển	18%	1.613.181.664
Quỹ dự phòng tài chính	4%	322.636.333
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20%	1.847.136.163
Chi trả cổ tức	56%	5.130.000.000
Quỹ thưởng ban điều hành	3%	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>9.162.954.160</b>

#### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	19.000.000.000	19.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	19.000.000.000	19.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>

#### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.130.000.000	5.700.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.130.000.000	5.700.000.000

#### d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.800.000</i>	<i>3.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.800.000</i>	<i>3.800.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ của công ty</b>		
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.324.498.941	24.711.317.277
Quỹ dự phòng tài chính	3.220.414.063	2.897.777.730
<b>14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm vỏ bao	290.155.293.502	242.846.712.889
Doanh thu bán phế phẩm	998.233.567	1.234.739.979
	<b>291.153.527.069</b>	<b>244.081.452.868</b>
<b>15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm vỏ bao đã bán	258.232.071.816	217.320.196.719
Giá vốn của sản phẩm khác	201.123.779	59.059.297
	<b>258.433.195.595</b>	<b>217.379.256.016</b>
<b>16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	395.653.223	89.947.981
Lãi đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	182.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	197.130.000	616.185.100
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn khác	-	900.000.000
	<b>592.783.223</b>	<b>1.788.133.081</b>

## 17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.223.280.331	886.815.568
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		95.000.000
Phí tư vấn vay vốn	321.090.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.175.773.760	2.824.547.840
Chi phí tài chính khác	3.218.827	7.533.146
	<b>9.723.362.918</b>	<b>3.813.896.554</b>

## 18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.393.890.762	12.071.877.180
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	13.470.000	(436.185.100)
- Lợi nhuận góp vốn cổ phần được chia khi đã làm nghĩa vụ thuế	(197.130.000)	(616.185.100)
- Chi phí không hợp lệ	210.600.000	180.000.000
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	10.407.360.762	11.635.692.080
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.601.840.191	2.908.923.020
Thuế TNDN được giảm	(780.552.057)	
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.821.288.134</b>	<b>2.908.923.020</b>

Theo điều 1 Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn thi hành nghị định số 101/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08//2011/QH13 của Quốc Hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập chịu thuế năm 2011.

## 19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.572.602.628	9.162.954.160
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.572.602.628	9.162.954.160
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.800.000	3.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.256</b>	<b>2.411</b>

## 20. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động KD vô bao	Hoạt động KD khác	<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</b>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	290.155.293.502	998.233.567	<b>291.153.527.069</b>

### Theo lĩnh vực địa lý

	Miền Bắc	Miền Trung	<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</b>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	257.401.527.069	33.752.000.000	<b>291.153.527.069</b>

## 22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u>
		<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng		
- Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	Thuộc TCT XM VN	215.039.249.700
- Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Thuộc TCT XM VN	33.752.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính		
- Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	Thuộc TCT XM VN	255.000.000
Mua hàng		
- Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	Thuộc TCT XM VN	5.316.449.027
- Công ty Tài chính CP Xi măng	Thuộc TCT XM VN	321.090.000
- Tổng công ty Xi măng Việt Nam	Cổ đông lớn	291.108.527

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính :

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu			
- Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	Thuộc TCT XM VN	45.366.119.686	17.294.370.777
- Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Thuộc TCT XM VN	8.078.080.000	2.689.200.000
- Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Thuộc TCT XM VN	2.733.415.057	-
Phải trả			
- TCT Công nghiệp XM VN	Cổ đông lớn	149.327.527	1.149.171.388

### 23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

Bim Sơn, ngày 15 tháng 02 năm 2012

**Giám Đốc**

**Nguyễn Đình Huy**

**Mai Viết Dung**

**Trần Văn Chương**